

Số: /GCN-SXD

Phú Yên, ngày tháng 02 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của UBND tỉnh Phú Yên, ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (ngày 16/8/2024 và ngày 10/02/2025) của Trung tâm Khoa học và Công nghệ MITC; Biên bản đánh giá ngày 29/8/2024 và Báo cáo số 07/BC-TT KH&CN MITC ngày 10/02/2025 của Trung tâm Khoa học và Công nghệ MITC.

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm Khoa học và Công nghệ MITC.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ số: 01/2021. Đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 11 năm 2012; đăng ký lần thứ 7 ngày 06 tháng 10 năm 2021. Cơ quan cấp: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: Số 261 Nguyễn Tất Thành, phường 8 (nay là phường 2), thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Điện thoại: 0914.889.917

Fax: 0257.3811786

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm Địa chất công trình và Vật liệu xây dựng.**

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 261 Nguyễn Tất Thành, phường 2, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 44.006.

3. Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng số 256/GCN-BXD ngày 30/8/2022 của Bộ Xây dựng và có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Trung tâm Khoa học và Công nghệ MITC;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- GD và các PGD Sở XD;
- Lưu: VT, P7_NVV.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Đồng

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 44.006

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 02 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
1	THÍ NGHIỆM XI MĂNG	
-	Độ mịn; khối lượng riêng; độ nở sunphat; hàm lượng SO ₃ ; giới hạn bền uốn và nén; độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và ổn định thể tích.	TCVN 13605:2023; TCVN 6068: 2004; TCVN 141:2008; TCVN 6016:2011; TCVN 6017:2015
2	THÍ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
-	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông.	TCVN 3106:2022
-	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông.	TCVN 3108:1993
-	Xác định độ tách nước, tách vữa.	TCVN 3109:2022
-	Xác định thành phần hỗn hợp bê tông.	TCVN 3110:1993
-	Xác định hàm lượng bột khí hỗn hợp bê tông.	TCVN 3111:2022
-	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng.	TCVN 3112:2022
-	Xác định độ hút nước.	TCVN 3113:2022
-	Xác định độ mài mòn.	TCVN 3114:2022
-	Xác định khối lượng thể tích.	TCVN 3115:2022
-	Xác định cường độ chịu nén.	TCVN 3118:2022
-	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn.	TCVN 3119:2022
-	Xác định cường độ chịu kéo khi bẻ.	TCVN 3120:2022
-	Xác định cường độ lăng trụ, mô đun đàn hồi và hệ số Poisson.	TCVN 5726:2022
3	THÍ NGHIỆM CÁT, ĐÁ DẼM (SỎI), ĐÁ GÓC	
-	Lấy mẫu; thành phần hạt; thành phần thạch học; khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn; khối lượng thể tích xốp và độ hông; độ ẩm; hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ; tạp chất hữu cơ; cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc; độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn; độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles; hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn; khả năng phản ứng kiềm Silic; hàm lượng clorua; hàm lượng sunfat và sunfit trong cốt liệu nhỏ; hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá; hàm lượng hạt bị đập vỡ; hàm lượng silic oxit vô định hình; hàm lượng mica.	TCVN 7572-1÷20:2006
-	Xác định hệ số đương lượng cát (ES).	TCVN 14134-5:2024
-	Xác định góc nghỉ tự nhiên của cát.	TCVN 8724:2012
-	Hàm lượng hạt nhỏ hơn 75 µm.	TCVN 9205:2012
-	Xác định độ bền nén một trục của đá.	TCVN 10324:2014

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 44.006

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 02 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
-	Phân tích thạch học bằng soi kính lát mỏng để xác định tên đá.	TCVN 8734:2012; TCVN 12888-1:2020
4	THÍ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG	
-	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng).	TCVN 4195:2012
-	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm.	TCVN 4196:2012
-	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy.	TCVN 4197:2012
-	Xác định hàm lượng hữu cơ.	TCVN 8726:2012
-	Xác định thành phần hạt.	TCVN 4198:2014
-	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:1995
-	Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4200:2012
-	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm.	TCVN 4201:2012
-	Xác định khối lượng thể tích.	TCVN 4202:2012
-	Thí nghiệm nén 3 trục (CD, CU, UU, CV).	TCVN 8868:2011
-	Xác định hàm lượng muối.	TCVN 9436:2012; TCVN 8727:2012
-	Xác định độ chặt đất, đá dăm đầm nén Proctor.	TCVN 12790:2020
-	Thí nghiệm sức chịu tải của đất – Tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm.	TCVN 12792:2020
-	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông.	TCVN 9438:2012
-	Xác định đặc trưng tan rã của đất trong phòng thí nghiệm.	TCVN 8718:2012
-	Xác định đặc trưng trương nở của đất trong phòng thí nghiệm.	TCVN 8719:2012
-	Xác định độ co ngót của đất trong phòng thí nghiệm.	TCVN 8720:2012
-	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm.	TCVN 8721:2012
-	Xác định các đặc trưng lún ướt của đất trong phòng thí nghiệm.	TCVN 8722:2012
-	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm.	TCVN 8723:2012
-	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời trong phòng thí nghiệm.	TCVN 8724:2012
-	Xác định sức chống cắt của đất hạt mịn mềm yếu bằng phương pháp thí nghiệm cắt cánh ở trong phòng.	TCVN 8725:2012
-	Phương pháp xác định độ bền cắt trong phòng thí nghiệm.	TCVN 10323:2014
5	THÍ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU KIM LOẠI	
-	Thử kéo.	TCVN 197:2014
-	Thử uốn.	TCVN 198:2008
-	Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn.	TCVN 198:2008; TCVN 6287:1997
-	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại.	TCVN 5401:2010
-	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt.	TCVN 5402:2010; TCVN 1830:2008

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 44.006

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 02 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
-	Kiểm tra cơ lý ống kim loại - Thử kéo, nén bẹp.	TCVN 314:2008; TCVN 1830:2008
-	Thử kéo mối hàn kim loại.	TCVN 8310: 2010; TCVN 8311: 2010
6	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
-	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm; thành phần hạt; tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén; độ chảy nhựa; độ góc cạnh của cát; hệ số độ chặt lu lèn; độ rỗng dư; độ rỗng cốt liệu; độ rỗng lấp đầy nhựa; độ ổn định còn lại của bê tông nhựa.	TCVN 8860-1÷12:2011
-	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô.	TCVN 11807:2017
-	Khối lượng riêng của đá.	TCVN 8735:2012
7	THÍ NGHIỆM NHỰA BITUM	
-	Xác định độ kim lún.	TCVN 7495:2005
-	Xác định độ kéo dài ở 25°C.	TCVN 7496:2005
-	Xác định điểm hóa mềm (phương pháp vòng và bi).	TCVN 7497:2005
-	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland.	TCVN 7498:2005
-	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau gia nhiệt.	TCVN 7499:2005
-	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene.	TCVN 7500:2005
-	Xác định khối lượng riêng.	TCVN 7501:2005
-	Xác định độ nhớt động.	TCVN 7502:2005
-	Xác định độ dính bám đối với đá.	TCVN 7504:2005
-	Xác định tỷ lệ độ kim lún của nhựa đường sau khi đun nóng ở 163 °C trong 5h so với độ kim lún ở 25 °C.	22TCN 279:2001
-	Xác định độ nhớt tuyệt đối (sử dụng nhớt kế mao dẫn chân không).	TCVN 8818-5:2011
8	THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
8.1	ĐẤT, CÁT, ĐÁ CÁC LOẠI	
-	Xác định khối lượng thể tích, độ chặt của đất bằng phương pháp dao dai.	TCVN 12791:2020; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012
-	Xác định độ chặt hiện trường bằng phương pháp rót cát.	TCVN 8729:2012
-	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng.	TCVN 8861:2011

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 44.006

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 02 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
-	Xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đo nước trong hố đào và trong hố khoan tại hiện trường.	TCVN 8731:2012
-	Xác định hệ số thấm của đất đá bằng phương pháp hút nước thí nghiệm từ các lỗ khoan.	TCVN 9148:2012
-	Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp thí nghiệm ép nước vào lỗ khoan.	TCVN 9149:2012
-	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT); Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT).	TCVN 9351:2022; TCVN 9352:2012
-	Thí nghiệm xuyên tĩnh có đo áp lực nước lỗ rỗng (CPTu).	TCVN 9846:2013
-	Đo điện trở đất.	TCVN 9385:2012
-	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường.	TCVN 8821:2012
-	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp vật liệu rời làm móng đường – Phương pháp chùy xuyên động (DCP).	TCVN 10272:2014
-	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT).	22 TCN 355:2006; TCVN 10184:2021
-	Xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng.	TCVN 9354:2012
-	Trắc địa công trình xây dựng.	TCVN 9398:2012
8.2	BÊ TÔNG	
-	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu.	TCVN 12252:2020; TCXDVN 239:2006
8.3	ĐƯỜNG (BÊ TÔNG XI MĂNG, BÊ TÔNG NHỰA)	
-	Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m.	TCVN 8864:2011
-	Đo và đánh giá xác định độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI.	TCVN 8865:2011
-	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát.	TCVN 8866:2011
-	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng Benkelman.	TCVN 8867:2011
9	THÍ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
-	Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật.	TCVN 4314:2022
-	Xác định kích thước hạt lớn nhất của cốt liệu; độ lưu động của vữa tươi; khối lượng thể tích của vữa tươi; khả năng giữ độ lưu động; khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn; cường độ uốn và nén của vữa đông rắn; hàm lượng ion chloride hòa tan trong nước; thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi; hệ số hút nước do mao dẫn của vữa đông rắn.	TCVN 3121:2022

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 44.006

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 02 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
-	Xác định độ chảy; độ tách nước; cường độ chịu nén; thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết; thay đổi chiều dài của mẫu vữa đóng rắn của vữa khô.	TCVN 9204:2012
10	THÍ NGHIỆM GẠCH XÂY	
-	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; cường độ uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích; độ rỗng.	TCVN 6355:2009
11	THÍ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG	
-	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ rỗng; cường độ chịu nén; độ thấm nước; độ hút nước.	TCVN 6477:2016
12	THÍ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
-	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén.	TCVN 6476:1999
13	THÍ NGHIỆM BỘT KHOÁNG	
-	Lượng mất khi nung; hàm lượng nước; khối lượng riêng của bột khoáng chất; chỉ số dẻo của bột khoáng; khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; độ ẩm, thành phần hạt, hệ số thích nước; hàm lượng chất hoà tan trong nước; khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường; khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường; độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng.	22 TCN 58:1984; TCVN 12884:2020
14	THÍ NGHIỆM BENTONITE	
-	Xác định khối lượng riêng; độ ổn định; độ nhót phễu Marsh; độ pH; lực cắt tĩnh; hàm lượng cát; độ dày áo sét; lượng tách nước; tỷ lệ keo (độ trương nở).	TCVN 11893:2017
15	THÍ NGHIỆM NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GỐC AXÍT	
-	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ; lượng hạt quá cỡ; điện tích hạt; độ khử nhũ; thử nghiệm trộn với xi măng; độ dính bám và tính chịu nước; thử nghiệm chung cát; thử nghiệm bay hơi; nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách nhanh; nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách chậm; khả năng trộn lẫn với nước; khối lượng thể tích; độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường.	TCVN 8817:2011
16	THÍ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LỎNG	
-	Thử nghiệm xác định nhiệt độ bắt lửa; xác định hàm lượng nước; Thử nghiệm chung cát; xác định độ nhót	TCVN 8818:2011

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 44.006

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 02 năm 2025
của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	tuyệt đối (sử dụng nhót kế mao dẫn chân không).	
17	THÍ NGHIỆM ĐẤT GIA CỐ BẰNG CHẤT KẾT DÍNH VÀ HỖN HỢP XI MĂNG ĐẤT	
-	Phân tích nhanh thành phần hạt của đất trong điều kiện hiện trường.	22TCN 56:1984
-	Xác định thể tích khô lớn nhất và độ ẩm lớn nhất của hỗn hợp; cường độ kháng ép; modul biến dạng; độ ổn định với nước và nhiệt độ.	22TCN 59:1984
-	Xác định modul đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ.	TCVN 9843:2013
-	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính.	TCVN 8862:2011
-	Xác định cường độ kháng nén của mẫu đất – xi măng (Phương pháp trộn khô và trộn ướt).	TCVN 9403:2012
18	THÍ NGHIỆM HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
-	Xác định hàm lượng cặn không tan.	TCVN 4560:1988; TCVN 4506:2012
-	Xác định hàm lượng muối hòa tan.	TCVN 4560:1988; TCVN 4506:2012
-	Xác định độ pH.	TCVN 6492:2011
-	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl^-).	TCVN 6194:1996
-	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO_4^{2-}).	TCVN 6200:1996